TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/**2020/KDTM-ST
Ngày: 09/6/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Hưng**

Bà **Nguyễn Thị Như Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30 /2020/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V.N.T.V**

Trụ sở: Số …, phố L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **N.C.D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **H.A.T**, ông **Đ.T.T** - Phó Giám đốc Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ, ông **P.T.A** - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, xBank hội sở, theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **P.V.N**, bà **P.T.K.O** - Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng ….. Royal City, số …., phố N, quận T, thành phố Hà Nội, theo Văn bản ủy quyền số 7805 /2019/UQ-VPB ngày 15/10/2019. - *Có mặt bà O.*

Bị đơn: **Công ty TNHH Quảng cáo T**

Trụ sở: Số …., ngách ….., phố V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **N.V.T** - Giám đốc. - *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **N.V.T**, sinh năm 19….. Nơi cư trú: Số …., hẻm ….., ngách ….., ngõ …, đường L, tổ …., phường L, quận H, thành phố Hà Nội. - *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/10/2019, Bản tự khai ngày 26/02/2020, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP V.N.T.V** trình bày:

Ngày 15/6/2017, Ngân hàng TMCP V.N.T.V (xBank) - Chi nhánh HN - Phòng giao dịch ĐC và Công ty TNHH Quảng cáo T ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 070617-3657215-01-SME và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ gồm các nội dung chủ yếu sau: Hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh in ấn và các dịch vụ liên quan đến in của bên vay. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cấp vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, xBank đã giải ngân cho Công ty T vay thông qua 06 khế ước nhận nợ, trong đó Khế ước nhận nợ lần 01 số 150617-3657215-01-SME ngày 15/6/2017 và lần 02 số 200717-3657215-01-SME ngày 20/7/2017 đã tất toán xong, chỉ còn nợ theo 04 khế ước sau:

Khế ước nhận nợ lần 03 số 010917-3657215-01-SME ngày 01/9/2017: Số tiền nhận nợ: 121.060.500 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,6%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 01/10/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán

vốn của Ngân hàng do hội sở chính của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 14,5%/năm.

Khế ước nhận nợ lần 04 số 051017-3657215-01-SME ngày 05/10/2017: Số tiền nhận nợ: 77.110.110 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,1%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 05/11/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Ngân hàng do hội sở chính của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 14,5%/năm.

Khế ước nhận nợ lần 05 số 061217-3657215-01-SME ngày 06/12/2017: Số tiền nhận nợ: 104.608.075 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,2%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 06/01/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Ngân hàng do hội sở chính của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 14,5%/năm.

Khế ước nhận nợ lần 06 số 230318-3657215-01-SME ngày 23/3/2018: Số tiền nhận nợ: 220.099.242 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,1%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 06/01/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Ngân hàng do hội sở chính của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 14,5%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng TMCP V.N.T.V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch ĐC và ông N.V.T đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 070617-3657215-01-SME/HĐBL ngày 15/6/2017. Theo đó, ông T dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty T với xBank phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 070617-

3657215-01-SME ngày 15/6/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty T và xBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/8/2018, nên xBank đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 06/5/2020, Công ty T đã thanh toán cho xBank số tiền như sau: Nợ gốc: 304.714.763 đồng; nợ lãi: 47.993.393 đồng; phạt chậm trả: 40.208 đồng; tổng: 352.748.364 đồng.

Ngân hàng TMCP V.N.T.V yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng giải quyết:

- Buộc Công ty T phải thanh toán cho xBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 06/5/2020, số tiền là: Nợ gốc: 218.163.164 đồng; Nợ lãi: 131.161.447 đồng; Phạt chậm trả: 12.284.547 đồng; Tổng cộng: 361.609.158 đồng.

- Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho xBank, yêu cầu Tòa án buộc ông N.V.T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho xBank.

- Trong trường hợp Công ty T và ông N.V.T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho xBank, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty T và ông T để thu hồi khoản nợ vay.

Tại Bản tự khai ngày 29/4/2020, bị đơn là **Công ty TNHH Quảng cáo T** do ông **N.V.T** là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 15/6/2017, Công ty TNHH Quảng cáo T và Ngân hàng TMCP V.N.T.V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 070617-3657215-01-SME và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ gồm các nội dung: Hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh in ấn và các dịch vụ liên quan đến in của bên vay. Lãi suất cho

vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cấp vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng, XBank đã giải ngân cho Công ty T thông qua 06 khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ lần 01 số 150617-3657215-01-SME ngày 15/6/2017, số tiền 385.000.000 đồng và Khế ước nhận nợ lần 02 số 200717-3657215-01-SME ngày 20/7/2017, số tiền 50.369.314 đồng, đã tất toán xong. Khế ước nhận nợ lần 03 số 010917-3657215-01-SME ngày 01/9/2017: Số tiền nhận nợ: 121.060.500 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,6%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Khế ước nhận nợ lần 04 số 051017-3657215-01-SME ngày 05/10/2017: Số tiền nhận nợ: 77.110.110 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,1%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Khế ước nhận nợ lần 05 số 061217-3657215-01-SME ngày 06/12/2017: Số tiền nhận nợ: 104.608.075 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,2%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Khế ước nhận nợ lần 06 số 230318-3657215-01-SME ngày 23/3/2018: Số tiền nhận nợ: 220.099.242 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21,1%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T gặp nhiều khó khăn, nên không trả được nợ đầy đủ, đúng hạn. Công ty đã thanh toán cho xBank số tiền như sau: Nợ gốc 304.714.763 đồng, nợ lãi 47.993.393 đồng, phạt chậm trả 40.208 đồng, tổng 352.748.364 đồng. Công ty xác nhận tính đến ngày 25/12/2019 chưa trả số

nợ gốc là 218.163.164 đồng, chưa tính được cụ thể tiền lãi, đề nghị Tòa án xem xét. Do Công ty đang bị Chi cục Thuế quận Hai Bà Trưng dừng phát hành hóa đơn từ ngày 20/5/2019, nên Công ty đang trong quá trình thu xếp để được hoạt động trở lại sớm nhất. Công ty đồng ý trả số nợ gốc và đề nghị xBank miễn giảm tiền lãi.

Tại Bản tự khai ngày 29/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **N.V.T** trình bày: Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH Quảng cáo T, ông N.V.T và Ngân hàng TMCP V.N.T.V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 070617-3657215-01-SME/HĐBL ngày 15/6/2017. Trường hợp Công ty T không trả được nợ, ông T sẽ trả thanh số tiền gốc nêu trên.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP V.N.T.V rút yêu cầu đòi số tiền phạt chậm trả lãi là 13.571.019 đồng, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Quảng cáo T trả số nợ gốc là 218.163.164 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.114.638 đồng, tiền lãi quá hạn là 131.841.120 đồng, tổng là 356.118.922 đồng và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận cho đến ngày thanh toán hết nợ. Công ty T xác nhận số tiền phải trả theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng và đề nghị gia hạn trả nợ, trả dần số nợ gốc 10.000.000 đồng/tháng và miễn giảm tiền lãi. Ông T xác nhận nội dung hợp đồng bảo lãnh và có trách nhiệm thực hiện đúng hợp đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận việc Ngân hàng TMCP V.N.T.V rút yêu cầu đòi tiền phạt chậm trả lãi; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty TNHH Quảng cáo T trả số nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử. Trường hợp Công ty T không trả được, thì ông N.V.T phải trả thay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V.N.T.V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh đối với Công ty TNHH Quảng cáo T, có trụ sở tại số …., ngách ….., phố V, phường V, quận Hai Bà Trưng,

thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 15/6/2017, Ngân hàng TMCP V.N.T.V - Chi nhánh HN - Phòng giao dịch ĐC và Công ty TNHH Quảng cáo T ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 070617-3657215-01-SME và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ gồm các nội dung chủ yếu sau: Hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh in ấn và các dịch vụ liên quan đến in của bên vay. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 15/6/2017. Trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mỗi lần vay vốn, các bên sẽ ký kết một khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương pháp tính lãi đối với dư nợ gốc: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x Số ngày thực tế của kỳ tính lãi x Lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi/360. Kèm theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng là Điều kiện giao dịch chung. Xét hợp đồng tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP V.N.T.V - Chi nhánh HN - Phòng giao dịch ĐC đã giải ngân cho Công ty TNHH Quảng cáo T thông qua 06 khế ước nhận nợ. Trong đó, Khế ước nhận nợ lần 01 số 150617-3657215-01-SME ngày 15/6/2017 và lần 02 số 200717-3657215-01-SME ngày 20/7/2017 đã tất toán xong, các bên không có tranh chấp. Đến nay, còn 04 Khế ước nhận nợ chưa tất toán gồm: Khế ước nhận nợ lần 03 số 010917-3657215-01-SME ngày 01/9/2017, số tiền 121.060.500 đồng. Khế ước nhận nợ lần 04 số 051017-3657215-01-SME ngày 05/10/2017, số tiền 77.110.110 đồng. Khế ước nhận nợ lần 05 số 061217-3657215-01-SME ngày 06/12/2017, số tiền 104.608.075 đồng. Khế ước nhận nợ lần 06 số 230318-3657215-01-SME ngày 23/3/2018, số tiền 220.099.242 đồng. Các khế ước nhận

nợ có thời hạn cho vay là 12 tháng. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, bằng lãi suất bán vốn + biên độ 14,5%/năm. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng theo đúng thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH Quảng cáo T đã trả được 304.714.763 đồng tiền gốc, gồm: Khế ước nhận nợ ngày 01/9/2017, trả 111.825.763 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 05/10/2017, trả 57.870.000 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 06/12/2017, trả 61.019.000 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 23/3/2018, trả 74.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc chưa trả là: 9.234.737 đồng + 19.240.110 đồng + 43.589.075 đồng + 146.099.242 đồng = 218.163.164 đồng. Nay Ngân hàng TMCP V.N.T.V yêu cầu Công ty TNHH Quảng cáo T trả số nợ gốc tính đến ngày 09/6/2020 là 218.163.164 đồng, Công ty TNHH Quảng cáo T xác nhận chưa trả số nợ gốc theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.N.T.V, buộc Công ty TNHH Quảng cáo T phải trả Ngân hàng TMCP V.N.T.V số nợ gốc là 218.163.164 đồng.

[4] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH Quảng cáo T đã trả được 44.036.201 đồng tiền lãi trong hạn và 3.597.190 đồng tiền lãi quá hạn. Cụ thể: Khế ước nhận nợ ngày 01/9/2017, số tiền lãi trong hạn phải trả là 14.377.370 đồng, đã trả 14.000.210 đồng, chưa trả 377.160 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 01/9/2018, số tiền lãi quá hạn phải trả tính đến ngày 09/6/2020 là 6.036.855 đồng, đã trả 1.168.271 đồng, chưa trả 4.868.584 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 05/10/2017, số tiền lãi trong hạn phải trả là 9.304.018 đồng, đã trả 8.335.330 đồng, chưa trả 968.688 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 06/8/2018, số tiền lãi quá hạn phải trả tính đến ngày 09/6/2020 là 12.194.606 đồng, đã trả 411.699 đồng, chưa trả 11.782.907 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 06/12/2017, số tiền lãi trong hạn phải trả là 11.659.351 đồng, đã trả 9.202.518 đồng, chưa trả 2.456.833 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 06/8/2018, số tiền lãi quá hạn phải trả tính đến ngày 09/6/2020 là 27.600.202 đồng, đã trả 1.435.546 đồng, chưa trả 26.164.656 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 23/3/2018, số tiền lãi trong hạn phải trả là 14.810.101 đồng, đã trả 12.498.143 đồng, chưa trả 2.311.958 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 08/8/2018, số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/6/2020 phải trả là 89.606.646 đồng, đã trả 581.674 đồng, chưa trả 89.024.972 đồng. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng TMCP V.N.T.V tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, quyết định áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ và Công ty TNHH Quảng cáo T cũng thừa nhận tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.N.T.V, buộc Công ty TNHH Quảng cáo T phải trả số tiền lãi tính

đến ngày 09/6/2020 gồm tiền lãi trong hạn là 6.114.638 đồng, tiền lãi quá hạn là 131.841.120 đồng, tổng là 137.955.758 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Ngày 15/6/2017, Ngân hàng TMCP V.N.T.V - Chi nhánh HN - Phòng giao dịch ĐC và ông N.V.T đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 070617-3657215-01-SME/HĐBL, với nội dung: Ông T đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH Quảng cáo T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH Quảng cáo T với Ngân hàng TMCP V.N.T.V phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 070617-3657215-01-SME ngày 15/6/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa hai bên, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Việc bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh cho đến khi Công ty TNHH Quảng cáo T thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với Ngân hàng theo các văn kiện tín dụng. Xét hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.N.T.V được Tòa án chấp nhận toàn bộ, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Tòa án trả lại Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.473.000 đồng, Công ty TNHH Quảng cáo T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.805.946 đồng, ông N.V.T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP V.N.T.V tự nguyện rút yêu cầu đòi Công ty TNHH Quảng cáo T trả số tiền phạt chậm trả lãi là 13.571.019 đồng. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút và Ngân hàng không phải chịu án phí. Nếu sau này Ngân hàng khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235, khoản 2 Điều 244, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.N.T.V về việc đòi Công ty TNHH Quảng cáo T trả số tiền phạt chậm trả lãi là 13.571.019 đồng. Nếu có tranh chấp, thì Ngân hàng TMCP V.N.T.V có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.N.T.V về việc đòi Công ty TNHH Quảng cáo T trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 070617-3657215-01-SME, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/6/2017, Khế ước nhận nợ lần 03 số 010917-3657215-01-SME ngày 01/9/2017, Khế ước nhận nợ lần 04 số 051017-3657215-01-SME ngày 05/10/2017, Khế ước nhận nợ lần 05 số 061217-3657215-01-SME ngày 06/12/2017 và Khế ước nhận nợ lần 06 số 230318-3657215-01-SME ngày 23/3/2018. Buộc Công ty TNHH Quảng cáo T phải trả Ngân hàng TMCP V.N.T.V các khoản tiền tính đến ngày 09/6/2020 gồm: Nợ gốc là 218.163.164 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.114.638 đồng, tiền lãi quá hạn là 131.841.120 đồng, tổng là 356.118.922 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH Quảng cáo T không thực hiện hoặc

thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V, buộc ông N.V.T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH Quảng cáo T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên.

4. Về án phí:

4.1. Trả lại Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.473.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003346 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4.2. Công ty TNHH Quảng cáo T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.805.946 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng).

4.3. Ông N.V.T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Ngân hàng TMCP V.N.T.V, Công ty TNHH Quảng cáo T, ông N.V.T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam